

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 446/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2018

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Phi Hùng
2. Ông Trần Minh Nhật

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2018/TLST- HNGĐ, ngày 10-9-2018 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “*ly hôn và nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2018/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1990. HKTT: ấp Hiệp H, xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang. (hiện nay cư trú số nhà 170, Khu vực V, Phường 5, thành phố V T, tỉnh Hậu Giang).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh A, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú số nhà 53, tổ 01, ấp Hiệp H, xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị Hân có mặt, anh An vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29-8-2018, bản tự khai ngày 28-9-2018 và lời khai tại phiên tòa thì chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh A có tìm hiểu nhau trước từ tháng 9 năm 2010 và được sự đồng ý của cha, mẹ hai bên có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang. Qua trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn với lý do

có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nhiều lần bị anh A đánh nên có nhờ Công an xã Hiệp X can thiệp nhiều lần nhưng anh A vẫn không thay đổi từ đó chính thức ly thân cho đến nay. Nay, cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống với nhau có 02 người con tên Trần Vũ Huy K, sinh ngày 18-10-2011 và Trần Vũ Duy K, sinh ngày 04-9-2014 hiện đang chung sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung đến thành niên hoặc tự lập được; không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: Không yêu cầu giải quyết.

- Theo lời khai tại bản tự khai ngày 28-9-2018; biên bản hòa giải ngày 28-9-2018 anh Trần Thanh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây có tìm hiểu nhau từ tháng 9 năm 2010 và chính thức chung sống với nhau từ năm 2011 đến năm 2013 tại Khu vực V, Phường 5, thành phố V T, tỉnh Hậu Giang (bên cha, mẹ vợ), sau đó mới đi sinh sống tại thành phố Vũng Tàu cho đến năm 2013 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp X, huyện P T và sống từ đó cho đến nay tại xã Hiệp X. Chung sống với nhau có hạnh phúc đến năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn. Lý do phát sinh nhiều bất đồng quan điểm sống. Nay, anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống với nhau có 02 người con tên Trần Vũ Huy K, sinh ngày 18-10-2011 và Trần Vũ Duy K, sinh ngày 04-9-2014 hiện đang chung sống với chị H. Nay ly hôn với chị H, anh yêu cầu được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc 01 đứa con tên Trần Vũ Huy K, sinh ngày 18-10-2011 đến thành niên hoặc tự lập được; Đồng ý giao Trần Vũ Duy K, sinh ngày 04-9-2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: thống nhất không yêu cầu giải quyết.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn anh Trần Thanh A vắng mặt, không chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị H và quá trình giải quyết vụ án thì chị H và anh A thuận tình ly hôn với nhau nên đề nghị HĐXX công nhận giữa các đương sự về hôn nhân, riêng đối với tranh chấp việc nuôi con qua thẩm vấn tại phiên tòa xét thấy điều kiện hoàn cảnh và tình cảm của 02 con chung thực tế không thể chia cách nhau; phía anh A có yêu cầu nuôi con nhưng không có mặt tại phiên tòa để chứng minh điều kiện nuôi con của mình nên đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không chấp nhận yêu cầu của anh A về việc nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua phát biểu của đại diện VKSND huyện PT, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Ngọc H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Thanh A, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú số nhà 53, tổ 01, ấp Hiệp H, xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Thanh A được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh không có mặt, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Thanh A.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trần Thanh A có đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 73/2013, ngày 05-9-2013 do UBND xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang) đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Quá trình giải quyết anh chị tự nguyện ly hôn với nhau vì vậy HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh, chị theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về quan hệ con chung: Anh chị chung sống với nhau có 02 người con tên Trần Vũ Huy K, sinh ngày 18-10-2011 và Trần Vũ Duy K, sinh ngày 04-9-2014 hiện đang chung sống với chị H. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, còn anh A có yêu cầu nuôi 01 đứa con tên Trần Vũ Huy K nhưng không có mặt tại phiên tòa. Xét, về hoàn cảnh và điều kiện nuôi con của anh chị thì thực tế 02 người con đang chung sống với chị H; sống chung với ông bà ngoại của 02 cháu; cháu K được chuyển từ Trường tiểu học B Phú H, huyện PT, tỉnh An Giang đến Trường tiểu học Trần Quốc Toàn, Thành Phố VT, tỉnh Hậu Giang từ ngày 04-9-2018 học ổn định cho đến nay. Riêng anh A hiện tại đang làm nghề thợ xây dựng, hằng ngày đi làm thuê cho người khác, chỉ sống 01 mình nên xét thấy hoàn cảnh và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung chưa đảm bảo. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương anh A thường xuyên đi làm về nhà có rượu thường có hành vi đánh chị H bị Công an xã Hiệp X mời làm việc, từ đó HĐXX không thể chấp nhận theo yêu cầu của anh A về việc nuôi cháu K sau này, phù hợp với nguyện vọng của cháu K; đồng thời cần giữ tình cảm ổn định cho 02 cháu như hiện nay và phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND huyện PT về giao cháu K cho

chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX chấp nhận giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến thành niên hoặc tự lập được theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đáng lẽ anh A phải cấp dưỡng nuôi con theo luật định nhưng chị H tự nguyện không yêu cầu, do đó anh A chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu phải trả: anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Chị H, anh A có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 55; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc H đối với anh Trần Thanh A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc H với anh Trần Thanh A.

2. Về quan hệ con chung:

- Giao 02 người con tên Trần Vũ Huy K, sinh ngày 18-10-2011 và Trần Vũ Duy K, sinh ngày 04-9-2014 cho chị Trần Thị Ngọc H được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên hoặc tự lập được; chị Trần Thị Ngọc H tự nguyện không yêu cầu anh Trần Thanh A cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Trần Thanh A đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí tổng cộng là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007086 ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2 Anh Trần Thanh A không phải chịu án phí.

Chị Trần Thị Ngọc H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trần Thanh A được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- UBND xã Hiệp X; huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Nhật Lương Phi Hùng

Trần Thành Thuận